

Số: 18 /2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 34/2015/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tái cấp vốn bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với tổ chức tín dụng trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là trái phiếu đặc biệt) theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ tổ chức tín dụng

100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là tái cấp vốn) của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mục đích

Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.

Điều 4. Điều kiện tái cấp vốn

Ngân hàng Nhà nước xem xét và quyết định tái cấp vốn khi tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này, sở hữu hợp pháp trái phiếu đặc biệt đang lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước chưa được Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản) thanh toán.

2. Trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, Nghị định số 34/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Mức tái cấp vốn

Mức tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định căn cứ vào mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt, kết quả trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt và kết quả xử lý nợ xấu nhưng không vượt quá 70% tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt; đối với tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt, mức tái cấp vốn do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không vượt quá 100% tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt.

Điều 6. Lãi suất tái cấp vốn

1. Lãi suất tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Lãi suất tái cấp vốn quá hạn bằng 150% lãi suất tái cấp vốn ghi trên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng.

Điều 7. Thời hạn tái cấp vốn

Thời hạn tái cấp vốn dưới 01 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt.

Điều 8. Gia hạn tái cấp vốn

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng, tuân thủ các quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

2. Thời gian gia hạn mỗi lần không vượt quá thời hạn tái cấp vốn lần đầu của khoản tái cấp vốn đó và không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt.

Điều 9. Trình tự xem xét tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn

1. Khi có nhu cầu vay tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn, tổ chức tín dụng gửi 05 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ). Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn; trong đó nêu rõ: tên tổ chức tín dụng, số hiệu tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, số tiền, mục đích (ghi mục đích cụ thể), thời hạn đề nghị tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn, tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn, cam kết các trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng;

b) Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước có xác nhận đối chiếu của Công ty Quản lý tài sản theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước: Xác nhận Bảng kê số dư trái phiếu đặc biệt đang lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gửi Vụ Chính sách tiền tệ, đồng thời gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Công ty Quản lý tài sản: Gửi Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này tới Vụ Chính sách tiền tệ, đồng thời gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

c) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Đánh giá về việc tổ chức tín dụng đáp ứng điều kiện tái cấp vốn quy định tại Điều 4 Thông tư này, năng lực tài chính, khả năng trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt, nhu cầu vay tái cấp vốn theo mục đích đề xuất của tổ chức tín dụng, đề xuất mức tái cấp vốn, mức gia hạn tái cấp vốn, thời hạn tái cấp vốn, thời gian gia hạn tái cấp vốn đối với từng tổ chức tín dụng, gửi Vụ Chính sách tiền tệ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, căn cứ vào mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ đề xuất xử lý đề nghị tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng và có văn bản lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Công ty Quản lý tài sản.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Công ty Quản lý tài sản có ý kiến gửi Vụ Chính sách tiền tệ.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 5 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định về đề nghị tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước ký kết hợp đồng tín dụng, giải ngân tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

Điều 10. Thẩm quyền ký văn bản của tổ chức tín dụng

Người có thẩm quyền thay mặt tổ chức tín dụng ký các văn bản về việc vay tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước là người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng.

Điều 11. Trả nợ vay tái cấp vốn

1. Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, tổ chức tín dụng trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thời hạn vay tái cấp vốn kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

2. Trả nợ vay tái cấp vốn trước hạn:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu quý tiếp theo, trên cơ sở hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số thu hồi nợ bằng tiền mà tổ chức tín dụng được hưởng trong quý từ từng khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn để trả nợ Ngân hàng Nhà nước và có văn bản thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng về số tiền trả nợ theo từng trái phiếu đặc biệt;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở vay tái cấp vốn đến hạn thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng phải trả nợ trước hạn cho Ngân hàng Nhà nước. Số tiền gốc vay tái cấp vốn phải trả đối với từng trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán bằng mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và thu hồi nợ xấu bằng tiền được

ghi tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt kèm theo Quyết định tái cấp vốn trừ đi số tiền Công ty Quản lý tài sản đã trả nợ theo quy định tại điểm a Khoản này;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Công ty Quản lý tài sản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở vay tái cấp vốn theo quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng phải trả hết nợ gốc và lãi khoản vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước;

d) Khi số tiền phải trả nợ trước hạn cho Ngân hàng Nhà nước bằng số tiền Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn, tổ chức tín dụng thực hiện trả hết nợ gốc và lãi khoản vay tái cấp vốn.

Điều 12. Xử lý đối với việc tổ chức tín dụng không trả nợ đúng hạn

Trường hợp khoản vay tái cấp vốn đến hạn, tổ chức tín dụng không trả được nợ và không được Ngân hàng Nhà nước gia hạn thì Ngân hàng Nhà nước áp dụng các biện pháp xử lý như sau:

1. Chuyển khoản nợ gốc của tổ chức tín dụng sang nợ quá hạn và áp dụng theo mức lãi suất tái cấp vốn quá hạn, kể từ ngày quá hạn.

2. Thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ:

a) Trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Yêu cầu Công ty Quản lý tài sản sử dụng số thu hồi nợ bằng tiền mà tổ chức tín dụng được hưởng từ các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước;

c) Thu hồi nợ từ các nguồn khác của tổ chức tín dụng;

d) Yêu cầu tổ chức tín dụng chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng Nhà nước đối với các giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch với Ngân hàng Nhà nước thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng;

đ) Thực hiện các thủ tục để chuyển khoản tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt hoặc thành khoản góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng Nhà nước tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản các hồ sơ, tài liệu về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn.

2. Cập nhật số liệu về trái phiếu đặc biệt trong thời gian đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản khi có thay đổi về số liệu trái

phiếu đặc biệt làm cơ sở đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn hoặc khi có yêu cầu.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu, thông tin đã cung cấp.

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này. Có văn bản báo cáo Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Công ty Quản lý tài sản về việc trả nợ vay tái cấp vốn trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

5. Chịu sự thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này.

6. Định kỳ hàng tháng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước) theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chuyển quyền sở hữu các giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch với Ngân hàng Nhà nước thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp không trả được nợ vay tái cấp vốn sau khi nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước về yêu cầu xử lý nợ.

8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

1. Xác nhận đối chiếu Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xử lý đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng; gửi ý kiến theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

3. Trả nợ Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

4. Thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn.

5. Chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xử lý đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng; có ý kiến gửi Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 9 Thông tư này;

b) Giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng và Công ty Quản lý tài sản trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục để chuyển khoản vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng thành khoản cho vay đặc biệt hoặc thành khoản góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng Nhà nước tại tổ chức tín dụng.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xử lý đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng; có ý kiến gửi Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 9 Thông tư này;

b) Thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng, giải ngân, gia hạn tái cấp vốn, thu hồi nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này, thực hiện hạch toán, theo dõi trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn và các trách nhiệm khác liên quan đến trái phiếu đặc biệt khi tổ chức tín dụng vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;

c) Thông báo cho Công ty Quản lý tài sản về việc giải ngân, thu nợ tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng kèm theo danh mục trái phiếu đặc biệt được phong tỏa, ngừng phong tỏa trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày giải ngân, thu nợ tái cấp vốn;

d) Thông báo cho tổ chức tín dụng về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước;

đ) Định kỳ hàng tháng báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số liệu về doanh số cho vay, doanh số thu nợ, số dư tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng, đồng thời gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Công ty Quản lý tài sản, Vụ Chính sách tiền tệ và Vụ Tín dụng các ngành kinh tế.

4. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế: Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xử lý đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn của tổ chức tín dụng; có ý kiến gửi Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

5. Vụ Tài chính – Kế toán: Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2015 và thay thế Thông tư số 20/2013/TT-NHNN ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Các khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản còn số dư đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận: ✓

- Như khoản 3 Điều 16;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ CSTT (05 bản).



Nguyễn Thị Hồng

Phụ lục I

Tổ chức tín dụng:

Số văn bản:

BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT LÀM CƠ SỞ VAY TÁI CẤP VỐN/ GIA HẠN TÁI CẤP VỐN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đến ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

STT	Mã trái phiếu đặc biệt	Ngày phát hành	Ngày đến hạn	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	Dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt	Thu hồi nợ xấu bằng tiền	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và thu hồi nợ xấu bằng tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) - (6) - (7)
1							
2							
...							
	Tổng		

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận đối chiếu của
Công ty Quản lý tài sản
(Ký tên và đóng dấu)

Lập biểu

Kiểm soát

Người đại diện hợp pháp của
tổ chức tín dụng
(Ký tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Bảng kê:

Các số liệu, thông tin về trái phiếu đặc biệt tính đến thời điểm gần nhất khi tổ chức tín dụng gửi Hồ sơ đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn. Mã trái phiếu đặc biệt được liệt kê theo thứ tự.

Phụ lục II

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
SỞ GIAO DỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số văn bản:

**BẢNG KÊ SỔ DƯ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT CỦA... (tên tổ chức tín dụng)
ĐANG LƯU KÝ TẠI SỞ GIAO DỊCH LÀM CƠ SỞ
TÁI CẤP VỐN/ GIA HẠN TÁI CẤP VỐN**

Đến ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

STT	Mã trái phiếu đặc biệt	Ngày phát hành	Ngày đến hạn	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
...				
	Tổng			...

Ghi chú (nếu có):

....., ngày ... tháng ... năm ...

Lập biểu

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Hướng dẫn lập Bảng kê:

Các số liệu, thông tin tính đến thời điểm gần nhất khi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước gửi Bảng kê. Mã trái phiếu đặc biệt được liệt kê theo thứ tự.

Phụ lục III

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số văn bản:

**BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT LÀM CƠ SỞ TÁI CẤP VỐN/
GIA HẠN TÁI CẤP VỐN ĐỐI VỚI ... (tên tổ chức tín dụng)**

Đến ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

STT	Mã trái phiếu đặc biệt	Ngày phát hành	Ngày đến hạn	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	Dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt	Thu hồi nợ xấu bằng tiền	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và thu hồi nợ xấu bằng tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) - (6) - (7)
1							
2							
...							
	Tổng		

Ghi chú (nếu có):.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Lập biểu

Kiểm soát

**Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)**

Hướng dẫn lập Bảng kê:

Các số liệu, thông tin tính đến thời điểm gần nhất khi Công ty Quản lý tài sản gửi Bảng kê. Mã trái phiếu đặc biệt được liệt kê theo thứ tự.

Phụ lục IV

Tổ chức tín dụng:

Số văn bản:

BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT LÀM CƠ SỞ VAY TÁI CẤP VỐN/ GIA HẠN TÁI CẤP VỐN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đến ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

STT	Mã trái phiếu đặc biệt	Ngày phát hành	Ngày đến hạn	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	Dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt	Thu hồi nợ xấu bằng tiền	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và thu hồi nợ xấu bằng tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (5) - (6) - (7)
1							
2							
...							
	Tổng		

Ghi chú (nếu có):

....., ngày ... tháng ... năm ...

Lập biểu

Kiểm soát

Người đại diện hợp pháp của
tổ chức tín dụng
(Ký tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Bảng kê:

Các số liệu, thông tin tính đến thời điểm gần nhất khi tổ chức tín dụng gửi Bảng kê. Mã trái phiếu đặc biệt được liệt kê theo thứ tự.

Phụ lục V

Tổ chức tín dụng:

Số văn bản:

BÁO CÁO SỬ DỤNG TIỀN VAY TÁI CẤP VỐN TRÊN CƠ SỞ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

Quyết định tái cấp vốn	Số tiền vay Ngân hàng Nhà nước đến tháng báo cáo	Sử dụng tiền vay tái cấp vốn	
		Mục đích	Số tiền
Quyết định số ... ngày .. tháng ... năm ...	2.000.000.000	Cho vay nông nghiệp nông thôn	1.000.000.000
		Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.000.000.000
Quyết định số ... ngày .. tháng ... năm ...	1.000.000.000	Thanh khoản	1.000.000.000
...			
Tổng

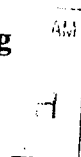
Ghi chú (nếu có):

....., ngày tháng năm

Lập biểu

Kiểm soát

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký tên và đóng dấu)



1. **Thời hạn gửi báo cáo:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

2. **Đơn vị nhận báo cáo:** Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.